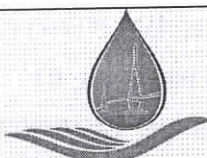


|                                                                                                         |                                                   |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 03     |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 12/10/2023 |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 1/2           |

|                                                                            |                               |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.              | - Số: 07/BV                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                               |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                                      | - Mã số mẫu: NS.BV.060325.01  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy nước Bông Vang.                                |                               |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.                  |                               |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 06/3/2025                                         | - Ngày trả kết quả: 18/3/2025 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                      | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                  | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 5,3     |
| 2   | pH                                      | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,49    |
| 3   | Độ đục                                  | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,536   |
| 4   | Mùi vị                                  | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                  | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,91    |
| 6   | Coliforms                               | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <3                                   | 0       |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt         | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | 0       |
| 8   | Sắt tổng (Fe)                           | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 9   | Clorua (Cl <sup>-</sup> )               | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 10  | Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )  | mg/l       | HACH Method 8507                             | 0,05                                 | -       |
| 11  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )  | mg/l       | HACH Method 8171                             | 2                                    | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ) | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                             | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Chỉ số Pecmanganat                      | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | -       |
| 15  | Độ cứng                                 | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023 ) (*) | 300                                  | -       |



|                                                                                                         |                                                   |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 03     |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 12/10/2023 |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 2/2           |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (\*) Không thực hiện.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**



**Phạm Hữu Việt**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188    ctncantho@gmail.com    www.ctn-cantho.com.vn

|                                                                                                         |                                                   |                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số: BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 03      |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 12/10/2023  |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 1/2            |

|                                                                             |                               |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.               | - Số: 08/BV                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.  |                               |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                                       | - Mã số mẫu: NS.BV.060325.02  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Trung tâm thị trấn Phong Điền - Nhà máy nước Bông Vang. |                               |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.                   |                               |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 06/3/2025                                          | - Ngày trả kết quả: 18/3/2025 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                      | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------------------------------|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                  | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                                   | 4,1     |
| 2   | pH                                      | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                            | 7,48    |
| 3   | Độ đục                                  | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                                    | 0,541   |
| 4   | Mùi vị                                  | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ                   | Không   |
| 5   | Clo dư                                  | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                              | 0,37    |
| 6   | Coliforms                               | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <3                                   | 0       |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt         | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                                   | 0       |
| 8   | Sắt tổng (Fe)                           | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                                  | -       |
| 9   | Clorua (Cl <sup>-</sup> )               | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                                  | -       |
| 10  | Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )  | mg/l       | HACH Method 8507                             | 0,05                                 | -       |
| 11  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )  | mg/l       | HACH Method 8171                             | 2                                    | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ) | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                                  | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                             | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                                  | -       |
| 14  | Chỉ số Pecmanganat                      | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                                    | -       |
| 15  | Độ cứng                                 | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                                  | -       |



|                                                                                                          |                                                   |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                          |                                                   | Lần ban hành: 03     |
|                                                                                                          | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 12/10/2023 |
|                                                                                                          |                                                   | Trang: 2/2           |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131<sup>AOSC</sup>;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) không thực hiện.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

☎ (0292) 382 1711 - 381 0188

✉ ctncantho@gmail.com

🌐 www.ctn-cantho.com.vn

|                                                                                                            |                                               |                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWER/ASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                            |                                               | Lần ban hành: 03     |
|                                                                                                            | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>      | Hiệu lực: 12/10/2023 |
|                                                                                                            |                                               | Trang: 1/2           |

|                                                                            |                               |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| - Tên khách hàng/Cty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.              | - Số: 09/BV                   |
| - Địa chỉ: số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. |                               |
| - Tên mẫu: Nước sạch.                                                      | - Mã số mẫu: NS.BV.060325.03  |
| - Địa điểm lấy mẫu: Chợ Mỹ Khánh - Nhà máy nước Bông Vang.                 |                               |
| - Tình trạng mẫu: Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml.                  |                               |
| - Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 06/3/2025                                         | - Ngày trả kết quả: 18/3/2025 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích                      | Đơn vị     | Phương pháp thử                              | Tham chiếu QCVN 01-1:2018/BYT | Kết quả |
|-----|-----------------------------------------|------------|----------------------------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | Độ màu                                  | mg/l Pt-Co | PTNHD05.06 (tham khảo HACH Method 8025) (*)  | 15                            | 5,2     |
| 2   | pH                                      | -          | PTNHD05.01 (tham khảo TCVN 6492:2011) (*)    | 6,0 - 8,5                     | 7,47    |
| 3   | Độ đục                                  | NTU        | PTNHD05.02 (tham khảo TCVN 12402-1:2020) (*) | 2                             | 0,538   |
| 4   | Mùi vị                                  | -          | Cảm quan                                     | Không mùi và vị lạ            | Không   |
| 5   | Clo dư                                  | mg/l       | Test nhanh tại hiện trường                   | 0,2 - 1                       | 0,48    |
| 6   | Coliforms                               | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E) (**)                     | <3                            | 0       |
| 7   | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt         | CFU/100ml  | ISO 9308-1:2014 (E)(**)                      | <1                            | 0       |
| 8   | Sắt tổng (Fe)                           | mg/l       | PTNHD05.07 (tham khảo HACH Method 8008) (*)  | 0,3                           | -       |
| 9   | Clorua (Cl <sup>-</sup> )               | mg/l       | PTNHD05.03 (tham khảo TCVN 6194:1996) (*)    | 250                           | -       |
| 10  | Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )  | mg/l       | HACH Method 8507                             | 0,05                          | -       |
| 11  | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )  | mg/l       | HACH Method 8171                             | 2                             | -       |
| 12  | Sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ) | mg/l       | PTNHD05.09 (tham khảo HACH Method 8051) (*)  | 250                           | -       |
| 13  | Mangan (Mn)                             | mg/l       | PTNHD05.08 (tham khảo HACH Method 8149) (*)  | 0,1                           | -       |
| 14  | Chỉ số Pecmanganat                      | mg/l       | PTNHD05.05 (tham khảo TCVN 6186:1996) (*)    | 2                             | -       |
| 15  | Độ cứng                                 | mg/l       | PTNHD05.04 (tham khảo SMEWW 2340C:2023) (*)  | 300                           | -       |



|                                                                                                         |                                                   |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| <br><b>CANTHOWASSCO</b> | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC<br/>CẦN THƠ</b> | Mã số:BM.PTNQT.05.01 |
|                                                                                                         |                                                   | Lần ban hành: 03     |
|                                                                                                         | <b>PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH</b>          | Hiệu lực: 12/10/2023 |
|                                                                                                         |                                                   | Trang: 2/2           |

**Ghi chú:**

- (\*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017 - VLAT 1.0131 ;
- (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- (-) không thực hiện.



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đình**

**PHÒNG QLCL&MT**

  
**Phạm Hữu Việt**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ**

Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(0292) 382 1711 - 381 0188 [ctncanθο@gmail.com](mailto:ctncanθο@gmail.com) [www.ctn-canθο.com.vn](http://www.ctn-canθο.com.vn)